

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0700510750 ngày 23/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 31/05/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08/08/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

- Trụ sở chính : KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại : 024 3220 2988

Công ty hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là: GKM.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hưng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên
Ông Phạm Nghiêm Việt Dũng	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Cao Thị Thương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiêm	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất và thiết bị

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Đặng Việt Lê - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (sinh ngày 19/10/1974; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh riêng giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tình hình tài chính riêng giữa niên độ vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, ngoài các sự kiện đã trình bày tại Thuyết minh 9.3, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty. Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng quản trị cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, tình hình hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Cam kết về công bố thông tin

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Dặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Số: 082/2023/BCSXR-PB.00518

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4 – Các khoản phải thu ngắn hạn khác: Công ty ký hợp đồng đặt cọc với 01 cá nhân nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Số tiền đặt cọc đến ngày 30/06/2023 là 78.927.000.000 VND.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính vào ngày 12 tháng 08 năm 2022 và ngày 22 tháng 03 năm 2023.



ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505 - 2019 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		157.783.907.693	163.592.899.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.758.316.598	50.081.966.316
1. Tiền	111	5.1	4.758.316.598	50.081.966.316
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.256.474.985	103.512.407.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	58.880.986.761	96.319.730.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.286.559.607	6.999.141.817
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	83.088.928.617	193.534.471
IV. Hàng tồn kho	140		842.526.000	842.526.000
1. Hàng tồn kho	141	5.5	842.526.000	842.526.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.926.590.110	9.156.000.356
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	24.001.817	97.653.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.173.945	1.074.185.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	7.878.414.348	7.984.161.252
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.904.553.919	246.114.890.985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	45.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.8	45.000.000.000	45.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.109.772.114	1.525.502.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.109.772.114	1.525.502.247
- Nguyên giá	222		12.707.165.099	12.707.165.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.597.392.985)	(11.181.662.852)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	30.379.081.515	31.508.174.571
- Nguyên giá	231		42.872.413.754	42.872.413.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.493.332.239)	(11.364.239.183)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	579.863.861
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	-	579.863.861
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	156.044.183.172	156.844.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.844.183.172	153.844.183.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.200.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.371.517.118	10.657.167.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	10.371.517.118	10.657.167.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		400.688.461.612	409.707.790.741

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		104.142.824.847	116.266.952.409
I. Nợ ngắn hạn	310		60.647.723.835	69.607.366.549
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	32.345.909.150	31.894.390.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	151.876.475	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	10.156.789.165	11.203.674.568
4. Phải trả người lao động	314		-	156.249.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	918.042.825	1.979.205.072
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.601.106.220	1.473.846.932
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	15.474.000.000	22.900.000.000
II. Nợ dài hạn	330		43.495.101.012	46.659.585.860
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	43.495.101.012	46.659.585.860
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296.545.636.765	293.440.838.332
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	296.545.636.765	293.440.838.332
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.952.400.000	238.139.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.466.059.091	8.556.059.091
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.127.177.674	46.745.779.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.932.379.241	22.510.984.722
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.194.798.433	24.234.794.519
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		400.688.461.612	409.707.790.741

Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 02a – DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
			đến ngày 30/06/2023	đến ngày 30/06/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.681.256.000	44.089.625.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.681.256.000	44.089.625.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.423.221.542	31.834.234.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.258.034.458	12.255.390.230
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.782.795.746	18.694.559.055
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.296.500.790	7.911.483.031
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.660.985.638	6.904.178.596
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	487.225.390	912.120.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.436.975.293	1.069.419.440
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.820.128.731	21.056.926.128
11. Thu nhập khác	31	6.7	-	12.648.726
12. Chi phí khác	32	6.8	625.330.298	270.505.587
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(625.330.298)	(257.856.861)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.194.798.433	20.799.069.267
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	1.462.908.023
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.194.798.433	19.336.161.244

Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 03a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
		đến ngày 30/06/2023 VND	đến ngày 30/06/2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.194.798.433	20.799.069.267
2. Điều chỉnh cho các khoản		(6.576.986.919)	(10.334.682.997)
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	1.544.823.189	1.455.697.462
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.782.795.746)	(18.694.559.055)
- Chi phí lãi vay	06	3.660.985.638	6.904.178.596
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.382.188.486)	10.464.386.270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.571.597.399)	(17.141.263.118)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	(708.581)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(64.476.768)	4.501.876.844
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	359.302.088	(2.309.486.672)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.640.287.723)	(5.403.858.623)
doanh	20	(43.299.248.288)	(9.889.053.880)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(7.426.021.403)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	7.852.950.000
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	19.184.100.864
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	800.000.000	6.100.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.766.083.418	16.270.050.235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.566.083.418	39.981.079.696
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.109.515.152	38.175.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.700.000.000)	(46.764.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.590.484.848)	(8.589.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(45.323.649.718)	21.502.525.816
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	50.081.966.316	14.955.832.388
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.758.316.598	36.458.358.204



Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0700510750 ngày 23/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 31/05/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08/08/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 314.342.370.000 VND (Ba trăm mười bốn tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng); Tổng số cổ phần là 31.434.237 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 261.952.400.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gạch không nung các loại; gạch ốp lát cao cấp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,64%	99,64%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, P. Lê Hồng Phong, Tp. Phủ Lý, Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN**Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư HG	Tầng 9, 47 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	0,48%	0,48%
Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh	Cụm 9, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Tp. Hà Nội	Bán buôn thực phẩm	5,00%	5,00%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 04 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 04 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Cho kỳ kế toán này, Công ty lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	05 – 08

4.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Bất động sản đầu tư 06 - 15 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tắc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

4.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do

đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.15. Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.16. Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.17. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	4.744.669.863	61.816.352
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.646.735	50.020.149.964
Cộng	4.758.316.598	50.081.966.316

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu các bên liên quan	2.856.433.478	895.177.478
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	2.856.433.478	895.177.478
Phải thu các khách hàng khác	56.024.553.283	95.424.553.318
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Xây dựng Phạm Gia	1.545.460.000	4.114.460.000
Công ty TNHH Thương mại Thành Lâm	12.743.390.702	12.743.390.702
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại Hùng Trang	4.831.986.000	4.831.986.000
Công ty Cổ phần Đầu tư bê tông Anh Đức	-	6.622.018.960
Công ty TNHH MTV Tuấn Dũng Tây Bắc	4.984.717.600	4.984.717.600
Công ty Cổ phần VLXD Bảo Minh Khang	204.682.546	17.921.682.546
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	8.673.782.886	10.195.782.886
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh	8.981.065.540	14.998.065.540
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	2.000.132.000	2.000.132.000
Các đối tượng khác	12.059.336.009	17.012.317.084
Cộng	58.880.986.761	96.319.730.796

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.286.559.607	6.879.141.817
Đặng Ngọc Hường - Tiền thuê văn phòng SH16	-	2.733.582.210
Công ty Cổ phần TM và XNK Hồng Việt	2.286.559.607	4.145.559.607
Các đối tượng khác	-	120.000.000
Cộng	2.286.559.607	6.999.141.817

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	56.449.166	-	56.449.166	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	56.449.166	-	56.449.166	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	83.032.479.451	-	137.085.305	-
Bà Trần Thị Miên	-	-	48.318.182	-
Nguyễn Hồ Hưng (i)	78.927.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS Đại An	4.016.712.328	-	-	-
Các đối tượng khác	88.767.123	-	88.767.123	-
Cộng	83.088.928.617	-	193.534.471	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN**5.4. Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)**

(i) Số tiền đã chuyển theo hợp đồng đặt cọc ngày 21/06/2023 giữa ông Nguyễn Hồ Hưng (bên A) và Công ty Cổ phần Khang Minh Group (bên B) với các nội dung như sau:

- Bên A đồng ý chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam đang sở hữu sang cho bên B. Hai bên thống nhất tiến hành đặt cọc để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Tiền cọc sẽ được bù trừ với tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng cổ phần khi hai bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký kết trong vòng 07 tháng sau khi bên B hoàn tất nghĩa vụ chuyển tiền đặt cọc.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Bên B đã chuyển 78.927.000.000 VND cho Bên A.

5.5. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng hóa tồn kho	842.526.000	-	842.526.000	-
Cộng	842.526.000	-	842.526.000	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**5.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	-	7.653.889
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.001.817	90.000.000
Cộng	24.001.817	97.653.889

5.6.2. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	195.571.527	317.646.029
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	697.947.471	788.984.097
Chi phí bồi thường GPMB, san lấp mặt bằng	9.419.991.642	9.546.080.346
Chi phí trả trước dài hạn khác	58.006.478	4.456.662
Cộng	10.371.517.118	10.657.167.134

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Phát sinh trong kỳ				01/01/2023
	30/06/2023	Số đã nộp/ đã khấu trừ VND	Số phải nộp VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	3.503.785.452	1.080.873.125	-	4.584.658.577	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.399.924.813	-	-	6.399.924.813	-
Thuế thu nhập cá nhân	253.078.900	-	33.987.722	219.091.178	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất (i)	-	-	105.746.904	-	7.984.161.252
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	10.156.789.165	1.083.873.125	142.734.626	11.203.674.568	7.984.161.252

(i) Tiền thuế đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Cơ quan thuế có các quyết định liên quan đến việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Lý do bị cưỡng chế: người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các cơ quan thuế để giải quyết vấn đề còn tồn đọng nêu trên.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.8. Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đại An (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

(i) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đại An theo Hợp đồng số 2812/2022/HĐCV ngày 28/12/2022 và Phụ lục Hợp đồng cho vay số 2812/2022/HĐCV ngày 30/12/2022 với các điều khoản như sau:

- Số tiền vay: 45.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: 18 tháng;
- Lãi suất vay: 18%/ năm;
- Thời hạn trả gốc: Vào ngày đáo hạn;
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Tín chấp;
- Số dư khoản cho vay tại ngày 30/06/2023 là: 45.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.583.935.775	2.660.607.980	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	199.762.772	12.707.165.099				
Số dư tại ngày 30/06/2023	5.583.935.775	2.660.607.980	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	199.762.772	12.707.165.099				
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.329.044.352	2.660.607.980	2.660.607.980	2.743.774.605	309.514.055	138.721.860	11.181.662.852				
- Khấu hao trong kỳ	149.971.059	-	-	151.195.170	98.819.112	15.744.792	415.730.133				
Số dư tại ngày 30/06/2023	5.479.015.411	2.660.607.980	2.660.607.980	2.894.969.775	408.333.167	154.466.652	11.597.392.985				
Giá trị còn lại											
- Tại ngày 01/01/2023	254.891.423	-	-	855.348.117	354.221.795	61.040.912	1.525.502.247				
- Tại ngày 30/06/2023	104.920.364	-	-	704.152.947	255.402.683	45.296.120	1.109.772.114				
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:											
- Tại ngày 01/01/2023	3.002.677.133	2.660.607.980	2.660.607.980	370.000.000	37.772.722	36.400.000	6.107.457.835				
- Tại ngày 30/06/2023	5.170.165.368	2.660.607.980	2.660.607.980	370.000.000	37.772.722	36.400.000	8.274.946.070				

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.10. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	42.872.413.754	-	-	42.872.413.754
- Cơ sở hạ tầng	42.872.413.754	-	-	42.872.413.754
+ Nhà cửa vật kiến trúc	42.431.504.663	-	-	42.431.504.663
+ Tài sản cố định khác	440.909.091	-	-	440.909.091
Giá trị hao mòn lũy kế				
Giá trị hao mòn	11.364.239.183	1.129.093.056	-	12.493.332.239
- Cơ sở hạ tầng	11.364.239.183	1.129.093.056	-	12.493.332.239
+ Nhà cửa vật kiến trúc	10.923.330.092	1.129.093.056	-	12.052.423.148
+ Tài sản cố định khác	440.909.091	-	-	440.909.091
Giá trị còn lại	31.508.174.571	-	1.129.093.056	30.379.081.515
- Cơ sở hạ tầng	31.508.174.571	-	1.129.093.056	30.379.081.515
+ Nhà cửa vật kiến trúc	31.508.174.571	-	1.129.093.056	30.379.081.515
+ Tài sản cố định khác	-	-	-	-
Nguyên giá tài sản là bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
- Cơ sở hạ tầng	9.569.991.963			9.569.991.963
+ Nhà cửa vật kiến trúc	9.129.082.872			9.129.082.872
+ Tài sản cố định khác	440.909.091			440.909.091

5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình trạm nghiên đá
Nhà kho, nhà xưởng
Cộng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
	-	16.678.300
	-	563.185.561
Cộng	-	579.863.861

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023			01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	153.844.183.172	-	-	153.844.183.172	-
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	130.894.183.172	-	(i)	130.894.183.172	(i)
Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh	22.950.000.000	-	(i)	22.950.000.000	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	2.200.000.000	-	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HG	1.200.000.000	-	(i)	2.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh	1.000.000.000	-	(i)	1.000.000.000	(i)
Cộng	156.044.183.172	-	-	156.844.183.172	-

Giá trị hợp lý

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 9.1.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN**5.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	30.845.909.150	30.845.909.150	30.394.390.577	30.394.390.577
Công ty Cổ phần Cơ khí và Vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	3.834.872.805	3.834.872.805	4.234.872.805	4.234.872.805
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	680.000.000	680.000.000	680.000.000	680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và DV Thăng Long	542.760.000	542.760.000	542.760.000	542.760.000
Công ty TNHH Khai thác đá Xuân Tùng	9.941.565.843	9.941.565.843	9.391.367.270	9.391.367.270
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Bắc	8.689.618.612	8.689.618.612	8.689.618.612	8.689.618.612
Công ty TNHH Phương Lâm	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719
Phải trả cho người bán là các đối tượng khác	2.157.584.171	2.157.584.171	1.856.264.171	1.856.264.171
Cộng	32.345.909.150	32.345.909.150	31.894.390.577	31.894.390.577

5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	151.876.475	-
Công ty Cổ phần Xây dựng HP Thăng Long	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sàn	141.876.475	-
Cộng	151.876.475	-

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các bên liên quan	918.042.825	1.979.205.072
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Trích trước lãi trái phiếu phải trả	918.042.825	1.979.205.072
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	918.042.825	1.979.205.072

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	590.134.136	508.273.974
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	590.134.136	508.273.974
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.010.972.084	965.572.958
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	-
Kinh phí công đoàn	862.276.854	860.920.632
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	42.605.510	48.562.606
Phải trả khác	56.089.720	56.089.720
Cộng	1.601.106.220	1.473.846.932

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.17. Vay và nợ thuế tài chính**5.17.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn là các bên liên quan	15.474.000.000	15.474.000.000	15.474.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh (i)	15.474.000.000	15.474.000.000	15.474.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay ngắn hạn là các các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	12.900.000.000	12.900.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	12.900.000.000	12.900.000.000
Cộng	15.474.000.000	15.474.000.000	15.474.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

(i) Hợp đồng vay số 2906/2023/HĐCV/KMQ-GKM ngày 29/06/2023 giữa Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Công ty Cổ phần Khang Minh Group với các nội dung như sau:

- Số tiền vay: 15.474.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng);
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: 10%/năm;
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Tín chấp;
- Số dư khoản tiền vay tại ngày 30/06/2023 là 15.474.000.000 VND, trong đó số tiền phải trả trong 1 năm tiếp theo là: 15.474.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.17.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ dài hạn là các bên liên quan	43.495.101.012	43.495.101.012	635.515.152	3.800.000.000	46.659.585.860	46.659.585.860
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trái phiếu phát hành GKMH2124001 (i)	43.495.101.012	43.495.101.012	635.515.152	3.800.000.000	46.659.585.860	46.659.585.860
Nợ dài hạn là các các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	43.495.101.012	43.495.101.012	635.515.152	3.800.000.000	46.659.585.860	46.659.585.860

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

(i) Chi trái phiếu phát hành như sau:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Lãi suất Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất Kỳ hạn
Trái phiếu thường				
Phát hành trái phiếu theo mệnh giá GKMH2124001	43.495.101.012	12,60% 3 năm	46.659.585.860	12,60% 3 năm
Cộng	43.495.101.012		46.659.585.860	

- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu;
- Tổng khối lượng phát hành trái phiếu: 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 đồng;
- Lãi suất cố định 12,60%/năm. Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng, ngày phát hành 20/09/2021; ngày đáo hạn: 20/09/2024;
- Kỳ hạn thanh toán lãi: Trả lãi định kỳ 03 tháng/ lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định hiện hành;
- Tiến gốc thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn;
- Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.18. Vốn chủ sở hữu**5.18.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm trước				
Số dư tại ngày 01/01/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813
Tăng trong năm trước	-	-	24.234.794.519	24.234.794.519
Lãi trong năm trước	-	-	24.234.794.519	24.234.794.519
Giảm trong năm trước	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	46.745.779.241	293.440.838.332
Kỳ này				
Số dư tại ngày 01/01/2023	238.139.000.000	8.556.059.091	46.745.779.241	293.440.838.332
Tăng trong kỳ	23.813.400.000	-	3.194.798.433	27.008.198.433
Lãi trong kỳ	-	-	3.194.798.433	3.194.798.433
Tăng vốn trong kỳ (i)	23.813.400.000	-	-	23.813.400.000
Giảm trong kỳ	-	(90.000.000)	(23.813.400.000)	(23.903.400.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	(23.813.400.000)	(23.813.400.000)
Số dư tại ngày 30/06/2023	261.952.400.000	8.466.059.091	26.127.177.674	296.545.636.765

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 vào tháng 01 năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2022 ngày 19/03/2022, Nghị quyết HĐQT số 06/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 31/05/2022, Nghị quyết HĐQT số 12/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022, theo đó:

- Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức năm giữ 01 cổ phiếu mới sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức
- Cổ đông sở hữu 10 quyền nhận cổ tức sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới, tương đương số số cổ tức đã trả là 23.813.400.000 đồng

Việc chi trả cổ tức được hoàn thành theo Báo cáo kết quả phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức số 01/2023/KM/BCKQ ngày 06/01/2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Công văn số 203/UBCK-QLCB ngày 13/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Theo quyết định số 58/QĐ-SGDHN ngày 15/02/2023 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp nhận cho Công ty Cổ phần Khang Minh Group được niêm yết bổ sung 2.381.340 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 23.813.400.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày có Quyết định này là 26.195.240 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 261.952.400.000 đồng.

5.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ông Đặng Việt Lê	28.030.064.000	25.482.400.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	51.151.701.000	47.317.000.000
Các cổ đông khác	182.770.635.000	165.339.600.000
Cộng	261.952.400.000	238.139.000.000

5.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	238.139.000.000	238.139.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	23.813.400.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.813.400.000	-

5.18.4. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.195.240	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.195.240	23.813.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.195.240	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.195.240	23.813.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.195.240	23.813.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	46.745.779.241	22.510.984.722
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD trong kỳ	3.194.798.433	19.336.161.244
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận quỹ	49.940.577.674	41.847.145.966
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó: - Chia cổ tức	(23.813.400.000) (23.813.400.000)	- -
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	26.127.177.674	41.847.145.966

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu hoạt động bán hàng hóa	-	40.711.781.000
Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	2.681.256.000	3.377.844.000
Cộng	2.681.256.000	44.089.625.000
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	2.681.256.000	2.890.344.000

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	-	30.622.201.382
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	1.423.221.542	1.212.033.388
Cộng	1.423.221.542	31.834.234.770

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.016.736.768	439.524.318
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	-	4.500.000.000
Lợi nhuận được chia từ Công ty Con	7.766.058.978	13.755.034.737
Cộng	11.782.795.746	18.694.559.055
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	7.766.058.978	13.755.034.737

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền vay	3.660.985.638	6.904.178.596
Lãi chậm trả nhà cung cấp	-	425.122.617
Chi phí phát hành, lưu ký trái phiếu	635.515.152	-
Chi phí tài chính khác	-	582.181.818
Cộng	4.296.500.790	7.911.483.031
Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	3.269.697.915	4.402.693.726

6.5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	17.113.004	12.709.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	353.459.691	636.369.922
Chi phí khác bằng tiền	116.652.695	263.041.667
Cộng	487.225.390	912.120.686

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	625.666.680	520.797.822
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.681.579	15.704.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.297.564	81.297.564
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.753.373.368	127.135.778
Chi phí khác bằng tiền	963.956.102	321.484.253
Cộng	4.436.975.293	1.069.419.440

6.7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí khác	-	12.648.726
Cộng	-	12.648.726

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

6.8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	643.787	40.035.369
Lãi chậm trả nhà cung cấp	550.198.573	-
Các khoản khác	74.487.938	230.470.218
Cộng	625.330.298	270.505.587

6.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.194.798.433	20.799.069.267
- Các khoản điều chỉnh tăng khi tính thuế	2.413.968.459	270.505.587
+ Chi phí phạt hành chính, chậm nộp thuế	20.182.460	40.035.369
+ Chi phí không được trừ khác	2.393.785.999	230.470.218
- Các khoản điều chỉnh giảm khi tính thuế	(7.766.058.978)	(13.755.034.737)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.157.292.086)	7.314.540.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	1.462.908.023
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.399.924.813	3.650.207.314
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6.399.924.813	5.113.115.337

6.10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	28.413.120
Chi phí nhân công	804.619.050	840.819.542
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	26.794.583	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.544.823.189	1.455.697.462
Thuế, phí và lệ phí	108.746.904	108.746.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.834.693.368	127.135.778
Chi phí khác bằng tiền	1.786.561.362	863.230.920
Cộng	7.106.238.456	3.424.043.726

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.109.515.152	38.175.000.000
Cộng	16.109.515.152	38.175.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	22.900.000.000	46.764.500.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	3.800.000.000	-
Cộng	26.700.000.000	46.764.500.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2023		30/06/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	50.081.966.316	-	4.758.316.598	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.513.265.267	-	141.969.915.378	-
Các khoản cho vay	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	156.844.183.172	-	156.044.183.172	-
Cộng	348.439.414.755	-	347.772.415.148	-

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2023 VND	30/06/2023 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	33.368.237.509	33.947.015.370
Chi phí phải trả	1.979.205.072	918.042.825
Vay và nợ	69.559.585.860	58.969.101.012
Cộng	104.907.028.441	93.834.159.207

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	50.081.966.316	-	-	50.081.966.316
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.513.265.267	-	-	96.513.265.267
Các khoản cho vay	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	156.844.183.172	156.844.183.172
Cộng	146.595.231.583	45.000.000.000	156.844.183.172	348.439.414.755

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

Tại ngày 30/06/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	4.758.316.598	-	-	4.758.316.598
Phải thu khách hàng, phải thu khác	141.969.915.378	-	-	141.969.915.378
Các khoản cho vay	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	156.044.183.172	156.044.183.172
Cộng	146.728.231.976	45.000.000.000	156.044.183.172	347.772.415.148

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	33.368.237.509	-	-	33.368.237.509
Chi phí phải trả	1.979.205.072	-	-	1.979.205.072
Vay và nợ	22.900.000.000	46.659.585.860	-	69.559.585.860
Cộng	58.247.442.581	46.659.585.860	-	104.907.028.441

Tại ngày 30/06/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	33.947.015.370	-	-	33.947.015.370
Chi phí phải trả	918.042.825	-	-	918.042.825
Vay và nợ	15.474.000.000	43.495.101.012	-	58.969.101.012
Cộng	50.339.058.195	43.495.101.012	-	93.834.159.207

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND
Hội đồng Quản trị				
Đặng Việt Lê	264.768.000		264.768.000	264.588.000
Nguyễn Việt Hà	-		-	144.534.000
Tổng cộng	264.768.000	-	264.768.000	409.122.000
Ban kiểm soát				
Nguyễn Thu Trang	157.050.000		157.050.000	112.104.000
Cao Thị Thương	839.900		839.900	65.255.300
Tổng cộng	157.889.900	-	157.889.900	177.359.300
Ban Tổng Giám đốc				
Bùi Thế Nam	-		-	181.518.000
Nguyễn Việt Hà	173.850.000		173.850.000	-
Tổng cộng	173.850.000	-	173.850.000	181.518.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác của Công ty

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh
 Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh
 Công ty Cổ phần Chứng khoán APG
 Công ty Cổ phần Đầu tư HG
 Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh

Mối quan hệ

Công ty Con
 Công ty Con
 Cổ đông
 Bên nhận đầu tư
 Bên nhận đầu tư

Địa điểm

Tỉnh Hà Nam
 Tỉnh Hà Nam
 Thành phố Hà Nội
 Thành phố Hà Nội
 Thành phố Hà Nội

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	2.681.256.000	2.890.344.000
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	2.681.256.000	2.890.344.000
Cộng	2.681.256.000	2.890.344.000
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lợi nhuận từ Công ty con chuyển về		
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	7.766.058.978	13.755.034.737
Cộng	7.766.058.978	13.755.034.737
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi vay phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	371.860.162	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Tiền lãi trái phiếu phải trả	2.897.837.753	4.402.693.726
Cộng	3.269.697.915	4.402.693.726
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần chứng khoán APG	-	3.327.000.000
Cộng	-	3.327.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

Giao dịch khác	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
	VND	VND
Thu tiền từ các bên liên quan khác	9.286.058.978	41.210.921.890
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền thanh lý tài sản	-	550.000.000
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền cho vay	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền lãi cho vay	-	330.385.973
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền lợi nhuận chuyển về	7.766.058.978	15.830.525.917
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thu tiền bán hàng	720.000.000	5.158.047.840
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thu tiền cho vay	-	10.184.110.864
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thu tiền lãi cho vay	-	157.851.296
Công ty Cổ phần Đầu tư HG - Thu hồi tiền vốn đã đầu tư	800.000.000	-
Trả tiền cho các bên liên quan khác	18.049.000.000	6.229.693.726
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trả tiền dịch vụ	-	1.827.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trả gốc trái phiếu	3.800.000.000	-
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trả lãi trái phiếu	3.959.000.000	4.402.693.726
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Trả tiền gốc vay	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Trả lãi tiền vay	290.000.000	-
Đi vay tiền từ các bên liên quan khác	15.474.000.000	19.500.000.000
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	15.474.000.000	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	-	7.000.000.000

Công nợ với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

9.2. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ vào tháng 07 năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2023 ngày 19/05/2022, Nghị quyết HĐQT số 25/2023/KM/NQ-HĐQT ngày 12/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

Việc chi trả cổ tức được hoàn thành theo Báo cáo kết quả phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức số 37/2023/BCKQ - KM ngày 21/07/2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Công văn số 4981/UBCK-QLCB ngày 26/07/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 85/2016/GCNCP-VSD-7 ngày 04/8/2023 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã đăng ký niêm yết bổ sung 5.238.997 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 52.389.970.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán là 31.434.237 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 314.342.370.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp với năm nay. Cụ thể như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	31/12/2022	01/01/2023 Trình bày lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán					
1	Tài sản cố định hữu hình	221	33.033.676.818	1.525.502.247	(31.508.174.571)
	- Nguyên giá	222	55.579.578.853	12.707.165.099	(42.872.413.754)
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(22.545.902.035)	(11.181.662.852)	11.364.239.183
2	Bất động sản đầu tư	230	-	31.508.174.571	31.508.174.571
	- Nguyên giá	231	-	42.872.413.754	42.872.413.754
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(11.364.239.183)	(11.364.239.183)
3	Chi phí trả trước dài hạn	261	12.997.581.274	10.657.167.134	(2.340.414.140)
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	48.910.000.000	46.569.585.860	(2.340.414.140)

Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê